ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SANG
TRƯỜNG PTDTBT TH SỐ 2 NA SANG

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang giai đoạn 2026 - 2031

UBND XÃ NA SANG
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC SỐ 2 NA SANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30a/KH-THS2NS

Na Sang, ngày 15 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang giai đoạn 2026 - 2031

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội ban hành Luật Giáo dục 2029.

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo";

Căn cứ nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 28/8/2025 của Bộ chính trị về đột phá phát triển GD&ĐT; Nghị quyết 281/NQ-CP thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo của Bộ Chính trị;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Na Sang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 như sau:

PHẦN I
PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của xã Na Sang, tình hình trường PTDTDT Tiểu học số 2 Na Sang.

Xã Na Sang là một xã Biên giới khó khăn của tỉnh Điện Biên, từ 1.7.2025 thực hiện chính quyền địa phương hai cấp xã Na Sang được thành lập trên cơ sở của bốn xã cũ là Na Sang, Ma Thì Hồ, Sa Lông và Thị Trấn, là xã khó khăn thuộc vùng 135, xã biên giới; có nhiều dân tộc cùng sinh sống xen kẽ trên địa bàn dân tộc Kinh; Thái, Khơ Mú, H.Mông, Tày, Nùng, Lào, trong đó dân tộc H'mông là dân tộc chiếm đa số. Giao thông đi lại khó khăn bản Huổi Xưa, cụm Na Sang 2, bản Huổi Xuân, bản Pu Ca học sinh đi lại cách trung tâm trường từ 7 đến 14 km đường đi lại khó khăn.

Học sinh của trường 322/327 chiếm 98,5 % là học sinh dân tộc gồm Hmông, Khơ Mú và Thái trong đó các em học sinh dân tộc HMông 283/327 em chiếm tỷ lệ 86,5%, học sinh dân tộc Khơ Mú 15/327 em chiếm 4,6%; HS dân tộc Thái 21/327 em chiếm 6,4%; dân tộc khác là 8 em (kinh 5, Lào 1, Tày 1, Mường 1) em chiếm 2,5%

Kinh tế địa phương chậm phát triển, nhân dân chủ yếu là làm ruộng, nương, tỷ lệ học sinh con hộ nghèo 211/327 em chiếm 64,5%. Người dân cư trú không tập trung mà ở rải rác theo các cụm dân cư , một số hộ dân di cư tự do nên phần nào ảnh hưởng tới công tác xây dựng kế hoạch của nhà trường.

Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang có 1 điểm trường chính và 5 điểm trường lẻ là đơn vị duy trì phổ cập đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học và đạt Trường chuẩn Quốc gia mức độ I. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát kịp thời của sở GD&ĐT, HĐND, UBND xã Na Sang cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể sư phạm nhà trườngnhiều năm đơn vị đạt đơn vị tiên tiến, xuất sắc.

Với nhiều năm xây dựng và trưởng thành, thầy và trò nhà trường luôn cố gắng khắc phục mọi khó khăn, thi đua "Dạy tốt-Học tốt" để trở thành một đơn vị phát triển vững mạnh toàn diện. Tập thể CBGV, NV luôn đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trong những năm qua, nhà trường đã luôn nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu thi đua Dạy tốt- học tốt, viết lên những trang sử truyền thống tốt đẹp, tự hào Nhiều năm liền trường tham gia các cuộc thi giao lưu Olympic Tiếng Anh, Điền kinh, cấp tỉnh đạt giải cao. Hàng năm có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh. Đặc biệt từ năm học 2019-2020 đến nay nhà trường đạt tập thể Lao động xuất sắc. Năm học 2023-2024 nhà trường được UBND tỉnh tặng Bằng khen;

Nhà trường luôn giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm là 100%. Đa số các em học sinh đều ngoan ngoãn, năng động, kính trọng vâng lời thầy cô giáo, không vi phạm nội quy nhà trường.

Nhà trường đã nỗ lực bằng nhiều giải pháp, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục tạo được sự đồng thuận cao và niềm tin của CMHS và nhân dân. Luôn coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có chất lượng cao, nhiệt tình, có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn vững vàng, phương pháp giảng dạy và công tác tốt. Đội ngũ cán bộ quản lý luôn được quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý. Cơ sở vật chất không ngừng được cải thiện đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản cho hoạt động giảng dạy và học tập của thầy và trò nhà trường. Tập thể CBGV, NV luôn đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục

Đảng ủy và chính quyền địa phương rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn, cụ thể đối với trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang

Tham mưu với UBND xã, tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phòng học, phòng chức năng: Dự khiến tháng 12/2025 nhà trường được đầu tư khởi công xây dựng cơ sở vật chất tại bản Na Sang xã Na Sang với tổng diện tích hơn 2000 m^{2-}; Tổng vốn đầu tư gần 15 tỷ đồng gồm có 2 khối nhà cao 2, 3 tầng: Phòng học, phòng học bộ môn, khu hiệu bộ và các công trình phụ trợ đi kèm.

Chi bộ trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ xã Na Sang, Sở GD&ĐT đến các hoạt động dạy và học trong nhà trường một cách có hiệu quả.

Sự quan tâm, chỉ đạo của các ban ngành, đoàn thể phối kết hợp cùng đơn vị trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; công tác PCGDTH, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục học sinh trên địa bàn đạt hiệu quả.

3. Sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục

Đời sống của người dân trên địa bàn xã những năm gần đây tương đối ổn định. Nhiều CMHS quan tâm đến việc học tập của con em và đã phối hợp rất tốt với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể là:

Phối hợp tốt với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh tạo điều kiện cho con em học tập tốt.

Quan tâm cho trẻ đúng độ tuổi đến trường, duy trì việc chuyên cần học tập của con em, nhiều năm liền nhà trường không có học sinh bỏ học.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên sinh hoạt định kỳ, phối hợp với lãnh đạo trường thực hiện việc giáo dục học sinh, tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên và học sinh tham gia tốt các phong trào trong nhà trường và ngành tổ chức. Đời sống nhân dân có cải thiện nhưng vẫn còn nhiều CMHS làm ăn xa, để con cho ông bà chăm sóc, điều này ảnh hưởng đến việc học tập của các em. Một số CMHS nhiều gia đình còn khoán trắng việc học tập của con em cho nhà trường. Vấn đề này cũng tác động đến nhận thức học tập của học sinh trong trường.

2. Thực trạng của nhà trường.

2.1. Quy mô trường lớp

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số học sinh: 339 học sinh, chia thành 14 lớp (Tỉ lệ học sinh/ lớp là: 24,2 HS/lớp).

Biểu 1. Thống kê tình số lớp, số học sinh năm 2025 - 2026

STT	Khối	Số lớp	Tổng số HS	Ghi chú
1	1	4	67	
2	2	3	66	
3	3	3	76	
4	4	2	64	
5	5	2	66	
Tổng	Tổng	**14**	**339**	

*** Ưu điểm:**

Sĩ số học sinh trên lớp ở các khối đảm bảo, thuận lợi cho việc giảng dạy, theo dõi chất lượng học sinh.

Công tác tuyển sinh tại trường hằng năm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 thực hiện 100%.

*** Hạn chế:**

Số trẻ sinh trong các độ tuổi hàng năm không ổn định, do một số em ở nơi khác chuyển đến nên ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh, sắp xếp đội ngũ.

Ở một số điểm bản số lượng HS ít không đủ DK mở lớp nên một số em HS còn nhỏ lớp 1,2 phải về điểm chính để học khó khăn trong công tác quản lý.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.1. Đội ngũ

Biểu 2. Thống kê tình hình đội ngũ CB, GV, NV năm học 2024 – 2025

Bậc học		Tổng số	Độ tuổi			
			Dưới 30	31->40	41->50	Trên 50
Tiểu học	Quản lý	3	0	0	02	1
	Giáo viên	19	1	13	5	1
	TPT Đội	1	0	0	1	0
	Nhân viên	6 (Biên chế: 04; HĐBV:03)	0	4	1 (Nv bảo vệ)	1 (Nv bảo vệ)
Tổng		29	1	17	8	3

Biểu 3. Thống kê cơ cấu đội ngũ CBQL, giáo viên năm học 2025 - 2026

CBQL	Giáo viên							
	TS	Tiểu học	GDTC	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin	NN	TPT
03	20	13	2	0	1	1	2	1

2.2. Chất lượng

a. Đối với Cán bộ quản lý:

Tổng số: 03 (Trong đó: Thạc Sỹ: 2; Đại học: 02; Trung cấp lý luận chính trị: 03; Đảng viên: 03)

b. Đối với giáo viên:

Tổng số: 20; nữ 17. Trình độ chuyên môn: Đạt chuẩn: 20/20 đạt 100%

Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên năm học 2024-2025: Tốt: 19 đ/c (Trong đó có 01 HT, 02 PHT); Khá: 4 đ/c.

Số đảng viên của trường: 22/29, tỷ lệ 75,9%.

Biểu 4. Số giáo viên giỏi, GVCNG các cấp 2 năm gần đây:

Năm học	Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
2023-2024	4	7	3	0
2024-2025	3	8	3	0

*** Ưu điểm:**

Tập thể Sư phạm là một khối đoàn kết, có ý thức kỷ luật tốt, có tinh thần tự giác. Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực lãnh đạo tốt, có uy tín với tập thể.

Giáo viên nhiệt tình quan tâm đến việc giáo dục học sinh, được học sinh yêu mến.

Có nhiều giáo viên có bề dày về kinh nghiệm giảng dạy. Đa số giáo viên trẻ nhiệt huyết và năng lực sư phạm tốt. Có nhiều giáo viên dạy giỏi đạt thành tích cao.

*** Hạn chế:** Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

2.3.Chất lượng giáo dục toàn diện

Biểu 5. Thống kê chất lượng đạt trà, thống kê chất lượng học sinh năng khiếu và thi đua 2 năm gần đây

Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025
Số lớp	14	14
Số học sinh	334	342
Số học sinh được khen	170	175
Hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (TT22); Học sinh xuất sắc (TT27)	TT27: 55 T22: 13	TT27 HT Xuất sắc: 64 HT Tốt: 112 Hoàn thành: 165 Chưa hoàn thành: 1
Có thành tích vượt trội trong các môn học(TT22); Học sinh tiêu biểu (TT27)	TT27: 86 TT22: 16	
hoàn thành lớp học	334	342
Hoàn thành chương trình tiểu học	61	67
Phẩm chất	Tốt: 193 Đạt: 141	Tốt: 200 Đạt: 141 CCG: 1
Năng lực	Tốt: 189 Đạt: 145	Tốt: 187 Đạt: 152
Khen cấp huyện	* 08 học sinh đạt giải. Giao lưu học sinh Toán, Tiếng việt cấp huyện *Giải khuyến khích: Thi Video giới thiệu về ngôi trường của em cấp huyện *Giải khuyến khích Thi dân vũ cấp huyện. *01giải IOE cấp cấp huyện. *Đạt 01 giải Nhì; 01 giải Ba thi hội khỏe phù đổng cấp huyện. *01 sản phẩm đạt giải C cấp huyện cuộc thi "Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Điện Biên lần thứ 8/ 2024".	* 10 học sinh đạt giải. Giao lưu học sinh Toán, Tiếng việt cấp huyện *07 HS đạt giải (01 giải vàng; 06 giải khuyến khích). Cuộc Thi Vioedu cấp huyện: *01 học sinh đạt giải bạc cuộc Thi Vioedu cấp tỉnh *01 học sinh đạt giải Thi IOE cấp huyện. *01 học sinh đạt giải Thi IOE cấp tỉnh: *Giải Nhất Hội thi Vũ điệu sân trường do Nhà thiếu nhi tỉnh Điện Biên tổ chức: - 35 bài dự thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 54 năm 2024; - Sân chơi ý tưởng trẻ thơ: 27 bài. - Sáng tác truyện tranh: 1 bộ. - Bài dự thi viết về Thầy, cô và mái trường 52 bài

		- Dịch truyện tranh anh ngữ: "Chuyến tàu anh ngữ": Đạt 01 giải. Tham gia Hội thao học sinh cấp huyện do PGD-ĐT Mường Chà tổ chức: Đạt 02 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba.

*** Ưu điểm:** Học sinh ngoan, lễ phép. Chất lượng đại trà ổn định, chất lượng học sinh năng khiếu ngày càng tăng. Các cuộc thi giao lưu của thầy và trò đều có thành tích.

*** Hạn chế:** Còn có những học sinh nhút nhát, đạt chuẩn về KTKN nhưng các kĩ năng còn hạn chế..

2.2. Cơ sở vật chất:

Biểu 6. Thống kê tình hình cơ sở vật chất năm học 2025 - 2026

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 2	Số lượng	Diện tích/phòng	Ghi chú
1	Khối phòng hành chính quản trị					
1.1	**Phòng Hiệu trưởng**	có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	**1**	16 m^2	
1.2	**Phòng Phó Hiệu trưởng**	có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	2	30 m^2	
1.3	**Văn phòng**	bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	**1**	30 m^2	
1.4	**Phòng bảo vệ**	bảo đảm có 01 phòng; đặt ở	bảo đảm có 01 phòng; đặt ở	**1**		

		gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;	gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;			
1.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam, nữ 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, chậu xí nhưng không được ít hơn 01; Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	**6**	-Khu vệ sinh phòng GV: 15 m^2	Khu vệ sinh học sinh nam , nữ riêng biệt, diện tích 20m2
1.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	1	30	Nhà xe chung GV,HS
2	**Khối phòng học tập**					

2.1	Phòng học	1,35m^2/học sinh; 1,50m^2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	1,35m^2/học sinh; 1,50m^2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	14	35m^2	
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m^2/học sinh	1,85m^2/học sinh	1	35m^2	
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m^2/học sinh	1,85m^2/học sinh	1	35m^2	
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m^2/học sinh	1,85m^2/học sinh	0	0	
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m^2/học sinh	1,50m^2/học sinh	1	35m^2	
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m^2/học sinh	1,50m^2/học sinh	0	0	
2.7	Phòng đa chức năng	1,50m^2/học sinh	1,50m^2/học sinh	0	0	
3	**Khối phòng hỗ trợ học tập**					
3.1	Thư viện	0,60m^2/học sinh	0,60m^2/học sinh; phòng đọc 2,40m^2/chỗ	1	55	Thư viện: 01 phòng, có diện tích 35 m^2 Thư viện xanh: 01 phòng, có diện tích 20 m^2
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m^2/phòng	48m^2/phòng	1	16	
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m^2/phòng	24m^2/phòng	0	0	
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m^2/học sinh	0,03m^2/học sinh	1	26	
3.5	Phòng truyền thống	48m^2/phòng	48m^2/phòng	1	0	

4	**Khối phụ trợ**					
4.1	Phòng họp	1,20m^2/người	1,20m^2/người	1	40	Chuyển mục đích sử dụng thành phòng GV
4.2	Phòng Y tế trường học	24m^2/phòng	24m^2/phòng	1	26	
4.3	Nhà kho	48m^2/kho	48m^2/kho			
4.4	Khu để xe học sinh	0,90m^2/xe đạp	0,90m^2/xe đạp	1	30	Nhà xe chung GV,HS
4.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m^2/học sinh	0,06m^2/học sinh	6		
4.6	Phòng nghỉ giáo viên	-	12m^2/phòng	3	0	
4.7	Phòng giáo viên	-	4m^2/giáo viên	0	0	
5	**Khu sân chơi, thể dục thể thao**					
5.1	Sân trường	1,50m^2/học sinh	1,50m^2/học sinh	1		
5.2	Sân thể dục thể thao	0,35m^2/học sinh	0,35m^2/học sinh	1		
5.3	Nhà đa năng	-	450m^2/nhà sàn tập 12x24m	0		
6	**Khối phục vụ sinh hoạt**					
6.1	Nhà bếp	0,30m^2/học sinh	0,30m^2/học sinh	1	102	Kho lương thực: 01 kho có diện tích 16 m^2 Kho thực phẩm: 01 kho có diện tích 16 m^2 Không gian bếp: 70 m^2
6.2	Nhà ăn	0,65m^2/chỗ	0,65m^2/chỗ	1	80	Kho bát đĩa: 01 kho có diện tích 10 m^2 Không gian ăn: 70 m^2

2.3. Thiết bị dạy học

Nhà trường căn cứ danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021; Thông tư số 26/2023/TT-BDGĐT ngày 28/12/2023

-Năm học 2023:

Tổng số danh mục thiết bị nhà trường rà soát, đề xuất mua sắm tiết bị tối thiểu là 51 danh mục, số lượng: 372, với tổng số tiền là 153.739.800 đồng (Trung tâm nội thất và thiết bị văn phòng Đại Dương, Trung tâm kinh doanh tổng hợp thiết bị Thành

Đạt, Trung tâm kinh doanh kỹ thuật số và thương mại Mạnh Linh)

Nhà trường đã tổ chức tập huấn sử dụng và sắp xếp thiết bị khoa học.

-Năm 2024:

Tổng số danh mục thiết bị nhà trường rà soát, đề xuất mua sắm tiết bị tối thiểu là 29 danh mục, số lượng : 155, với tổng số tiền là 189.317.000 đồng.

(Trung tâm điện tử - Điện lạnh phát triển công nghệ trường sơn, Trung tâm dịch vụ và thương mại Toàn Thịnh, Trung tâm dịch vụ và chuyển giao công nghệ GREEN, Trung tâm điện máy nội thất TDCOM

*** Ưu điểm:**

Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang có tương đối đủ CSVC, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ công tác dạy và học. Xung quanh trường có tường bao xây cao thành. Cảnh quan thân thiện với môi trường, có nhiều cây xanh bóng mát, có bồn hoa cây cảnh, sân chơi sạch sẽ, thoáng mát, cổng trường được xây dựng kiên cố.

*** Hạn chế:**

CSVC trường lớp chưa đảm bảo, thiết bị phục vụ công tác của CB, Nhân viên bị xuống cấp (Máy tính, máy in) chưa được thay mới do yêu cầu mua sắm tập trung.

III. Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức

1. Điểm mạnh

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương.

Trường có Chi bộ nên thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ trong tất cả các hoạt động của nhà trường.

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã qua các lớp chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Giáo viên năng động và linh hoạt trong việc bố trí, tổ chức các hoạt động phù hợp với không gian lớp học; Việc phân công công tác cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường của từng đồng chí nên đảm bảo hiệu quả công việc tốt và phù hợp với thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; chất lượng giáo dục đạt được những thành tích đáng khích lệ. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh đảm bảo yêu cầu quy định đáp ứng mục tiêu giáo dục. Chất lượng đại trà luôn duy trì ổn định đặc biệt tỉ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện của nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, đội ngũ giáo viên có chất lượng, trình độ đào tạo đạt chuẩn cao, phẩm chất đạo đức tốt, luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và công tác Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều là những giáo viên đang ở độ tuổi đoàn. Các đồng chí đều có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết, trách nhiệm, yêu nghề và luôn sáng tạo đi đầu trong mọi hoạt động phong trào của nhà trường, địa phương.

2. Điểm yếu

Chưa có giáo viên đủ yêu cầu chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tư vấn học đường.

Một bộ phận HS chưa tích cực tự giác trong học tập.

Hệ thống phòng học xuống cấp, diện tích không đảm bảo.

3. Thời cơ

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Chính quyền địa phương, sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, sự tín nhiệm của học sinh và cha mẹ học sinh.

Cơ sở vật chất đang dần được đầu tư xây mới đồng bộ. Đội ngũ cán bộ giáo viên được đào tạo cơ bản có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt, đạt trình độ chuẩn.

4. Thách thức

Năm học 2025-2026 gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với tất cả các khối lớp là các yêu cầu về sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục mới; việc bố trí nguồn tài chính, công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới là một thách thức.

Sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa, việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, đòi hỏi mọi người phải sáng tạo, chủ động trong công việc, nhưng một số giáo viên khả năng tiếp cận và đổi mới trong công tác giáo dục còn chậm.

Yêu cầu của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục.

5. Xác định vấn đề ưu tiên

Khái toán kinh phí, đề xuất trang cấp CSVC, thiết bị phục vụ của CB,GV: Máy chiếu các lớp học, máy chiếu, máy tính phòng các phòng làm việc.

Tham mưu tuyển dụng đủ số lượng, đủ cơ cấu giáo viên, đảm bảo chất lượng theo đề án vị trí việc làm quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tăng cường bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ khả năng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng mạnh mẽ công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của mỗi học sinh. Xây dựng nhà trường văn hóa.

Chất lượng giáo dục học sinh có sự chuyển biến toàn diện, không còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học. Chú trọng rèn kĩ năng sống, tạo nhiều sân chơi, hoạt động trải nghiệm để phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh theo chương trình GDPT 2018. Tham gia đầy đủ các Hội thi, các cuộc giao lưu và phấn đấu đạt nhiều thành tích cao.

PHẦN II
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026-2031

I. Tổng quan

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang đã dần từng bước phấn đấu vươn lên. Nhà trường đang từng bước ổn định, phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, luôn giữ vững tập thể Lao động tiên tiến, Lao động xuất sắc, xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh và học sinh trên địa bàn xã Na Sang để giữ vững trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng mức độ 2.

Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn xa hơn nữa nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường, hoạt động của ban Lãnh đạo trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh nhà trường. Là căn cứ tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã Na Sang. Thống nhất có hoạch định phát triển nhà trường. Đồng thời là kim chỉ nam trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch năm học hàng năm.

Xây dựng và triển khai kế hoạch của trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết của chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, nghị quyết 71/NQ/TW của Bộ chính trị về đột phá phát triển GD&ĐT; thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030. Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang cùng các trường Tiểu học trong toàn Xã, xây dựng ngành giáo dục của xã ngày càng phát triển.

II. Định hướng phát triển

1. Quy mô số lớp, số học sinh.

Biểu 7. Dự kiến số lớp, số học sinh giai đoạn 2026-2031

Năm học	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2026-2027	**4**	**59**	**4**	**58**	2	67	2	66	3	76	14	326
2027-2028	4	55	4	59	2	58	2	67	2	66	14	305
2028-2029	4	55	4	55	2	59	2	58	2	67	14	294
2029-2030	4	56	4	55	2	55	2	59	2	58	14	283
2030-2031	4	68	4	56	2	55	2	55	2	59	14	293

2. Tầm nhìn: Nhà trường có môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Duy trì đạt trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng cấp độ 2.

3. Sứ mệnh: Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

III. Các nhóm phát triển trường giai đoạn 2026-2031

1. Nhóm phát triển hoạt động giáo dục

1.1.Phát triển giáo dục

a. Mục tiêu phát triển giáo dục

Thực hiện chương trình GDPT mới 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành CTGDPT.

Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với 100% học sinh. Dạy học ngoại ngữ đối với 100% học sinh các lớp (02 tiết/tuần với học sinh lớp 1,2; 04 tiết/tuần đối với lớp 3,4,5). Dạy tin học với học sinh lớp tất cả các lớp.

Áp dụng dạy học theo chương trình mới; Tiếp tục áp dụng phương pháp "bàn tay nặn bột" đổi mới SHCM theo nghiên cứu bài học, Mĩ thuật theo phương pháp mới cũng như vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tiếp tục dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng sống, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, giáo dục di sản, dạy học STEM, lịch sử địa phương...

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của học sinh. Từ năm 2026 đến năm 2031 có trên 99% học sinh học đúng độ tuổi ở các khối lớp, 99% -100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% hoàn thành chương trình tiểu học. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học.

100% CB,GV,NV, HS ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo AL trong dạy và học.

b. Phát triển chất lượng giáo dục

* Chỉ tiêu về chất lượng từ năm 2026 đến 2031

Hoàn thành chương trình lớp học: 99 % trở lên.

Hoàn thành chương trình tiểu học: 100%.

c. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về vai trò, vị trí và sự cần thiết phải đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm đối với sự nghiệp phát triển nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng phẩm chất, năng lực và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và đổi mới công tác đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động chuyên môn trong nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên trong trường, tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo AI, chuyển đổi số.

1.2. Đảm bảo chất lượng

a. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả tối đa về cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang cấp và đội ngũ giáo viên giảng dạy. Sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên, đảm

bảo cơ cấu giáo viên, nhất là giáo viên Tin học.

Đảm bảo trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo AI, chuyển đổi số trong công tác quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý giáo dục, phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, công nghệ số.

Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí cán bộ giáo viên hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CB,GV,NV phù hợp với yêu cầu.

b. Các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định; dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng các môn học; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên bằng nhiều biện pháp: Tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn trên chuẩn, dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hè, dự thao giảng cụm, trường, dự giờ đồng nghiệp, tổ chức và tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, đăng ký tiết dạy tốt, …

Đi sâu bồi dưỡng giáo viên có tay nghề còn hạn chế. Phấn đấu 80% giáo viên đạt chuyên môn loại tốt, 20% giáo viên đạt loại khá và không có giáo viên đạt yêu cầu.

Tổ chức các hoạt động theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Tăng cường phụ đạo học sinh chưa hoàn thành và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, chú trọng dạy học nhằm phát huy năng lực, phẩm chất học sinh.

Thực hiện đạt và vượt các chỉ về chất lượng giáo dục và đào tạo như:

+ Đối với học sinh: tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1, học sinh lên hoàn thành chương trình lớp học, học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, học sinh năng khiếu.

+Đối với giáo viên: thực hiện các chỉ tiêu về chuyên đề, dạy tốt, hội giảng, thao giảng, dự giờ, phong trào thi giáo viên dạy giỏi các cấp, phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, phong trào thi đua ...

c. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

- Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục.
- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học.
- Thực hiện mục tiêu Phổ cập giáo dục tiểu học.
- Bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên kiến thức và kỹ năng tuyên truyền với các bậc cha mẹ học sinh và cộng đồng về công tác giáo dục học sinh.
-Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp hiệu quả.

d. Hoạt động tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng

Việc tự đánh giá chất lượng trường học thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công tác tự đánh giá của nhà trường cần thực hiện đầy đủ theo quy trình và tự đánh giá đúng theo Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐTcủa Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

2. Nhóm phát triển đội ngũ

2.1. Mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Xây dựng đội ngũ CB,GV,NV đủ về số lượng, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có trình độ tin học, có phong cách sư phạm mẫu mực, tận tụy yêu nghề mến trẻ, đoàn kết thống nhất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của trường. Cụ thể:

-Đối với Cán bộ quản lý: 100% trình độ trên Đại học; 20% tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị; 100% được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; có chứng chỉ ngoại ngữ và tin học. Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng năm đều được xếp loại khá trở lên.

-Đối với Giáo viên: 100% trình độ đào tạo đại học và trên đại học, 100% giáo viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS vào giảng dạy, 100% giáo viên có chứng chỉ Ngoại ngữ; 100% giáo viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên, trong đó có 60% giáo viên được xếp loại Tốt; 100% giáo viên đều xếp loại Khá, Tốt về chuyên môn nghiệp vụ, không có giáo viên xếp loại Trung bình; 60%-80% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 40% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi huyện trở lên; 100% GV được xếp loại Đạt về bồi dưỡng thường xuyên.

2.2. Nhu cầu về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Biểu 8. Nhu cầu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên từ 2026 đến 2031

Năm học / Môn học	Số lượng hiện có	Số lượng cần bổ sung theo các năm học				
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
Cán bộ quản lý	3	3	0	0	0	0
GV dạy văn hóa	13	14	1	1	1	1
GV dạy bộ môn	6	6	1	1	1	1
TPT	1	1	0	0	0	0
Nhân viên	6	6	0	0	0	0
Tổng	**29**	**30**	**2**	**2**	**2**	**2**

2.3. Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng cao, bảo đảm đủ các tiêu chuẩn về chính trị và chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng môi trường sư phạm ở trường học trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, khung cảnh nhà trường và nề nếp học tập, sinh hoạt. Vì thế hiệu trưởng cần phối hợp với các đoàn thể xây dựng tập thể giáo viên thành tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

Rà soát lại trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm của giáo viên. Động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên chưa có trình độ ngoại ngữ, tin học tự học để nâng cao trình độ.

Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bằng nhiều hình thức: Dự giờ, hội giảng, thi giáo viên giỏi, chuyên đề, trao đổi học tập kinh nghiệm… Phát động các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt có phần thưởng khích lệ và góp ý rút kinh nghiệm để giáo viên khắc phục những tồn tại và phát huy thành tích đạt được. Thường xuyên

bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận và lực lượng cốt cán của nhà trường thông qua thực tiễn công tác và tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

Thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, công bằng trong phê bình, thi đua khen thưởng, giải quyết những vướng mắc trong nội bộ CB,GV,NV trên cơ sở bình đẳng. Giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên yên tâm công tác. Xây dựng bầu không khí làm việc đồng thuận, phát huy vai trò gương mẫu trong lãnh đạo, tạo khối đoàn kết nhất trí cùng nhau hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ đề ra.

Phát huy vai trò cá nhân, luôn gương mẫu đi đầu trong mọi công việc. Từng bước hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Nhóm phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

3.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Sử dụng tối đa hệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS trong dạy học và quản lý nhà trường.

Biểu 9. Nhu cầu về mua sắm trang thiết bị dạy học giai đoạn 2026 đến 2031.

Đơn vị: đồng

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền
Máy tính để bàn	Bộ	06	72.000.000
Máy tính xách tay	Chiếc	5	120.000.000
Ti vi + Bảng kéo	Bộ	3	210.000.000
Tổng cộng			**402.000.000**

3.3. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng hệ thống phòng học, nhà đa năng.

Tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa trang thiết bị dạy học từ nguồn kinh phí giao quyền tự chủ theo quy định và yêu cầu trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị phục vụ dạy học.

Quy hoạch môi trường bên trong và bên ngoài, quy hoạch lại cây xanh, hoa cảnh tạo môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn thể hiện môi trường trường học thân thiện, học sinh tích cực.

4. Nhóm phát triển nguồn lực tài chính

4.1. Kế hoạch và biện pháp tăng cường nguồn lực tài chính

Huy động nguồn tài chính từ tất cả các nguồn: ngân sách nhà nước và địa phương, vận động nhân dân và cha mẹ học sinh.

Tranh thủ sự đầu tư, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội.

4.2. Giải pháp thực hiện

Thực hiện đúng theo nguyên tắc tài chính. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu chi các nguồn; công khai tài chính đúng quy định.

Tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Bàn bạc thống nhất và theo dõi thu chi các khoản thu

phục vụ dịch vụ theo hướng dẫn Nghị quyết 06/2024 của HĐND tỉnh.

Huy động các nguồn lực xã hội khác như: các mạnh thường quân, các tổ chức, cá nhân… hỗ trợ thêm kinh phí trang bị thêm máy chiếu phục vụ học tập.

5. Phát triển và quảng bá thương hiệu

Thực hiện tốt trang Facebook và Zalo nhà trường, cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục thông qua các hội nghị, diễn đàn ...

Khuyến khích giáo viên tích cực tham gia vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

Xây dựng thương hiệu và sự tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào việc quảng bá, xây dựng thương hiệu nhà trường. Đáp ứng được thời đại kỉ nguyên số.

PHẦN III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Phổ biến kế hoạch

Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang giai đoạn 2026-2031 được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán, giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan cấp trên, Đảng, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

Niêm yết công khai Kế hoạch tại bản tin trường và trên trang Website của nhà trường.

1.2. Xây dựng lộ trình

*** Giai đoạn 2026-2029:**

Triển khai Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra theo từng năm học.

Hoàn thành cơ bản xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ, tham mưu bổ sung nâng cấp, sửa chữa CSVC, Mua sắm trang thiết bị dạy học.

Tiếp tục duy trì kiểm định cấp độ 2, duy trì chuẩn Quốc gia mức độ 1.

*** Giai đoạn 2029 - 2031:**

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra theo từng năm học.

Có nhà đa năng cho học sinh hoạt động.

Duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng mức độ 3.

1.3. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân

*** Hiệu trưởng:** Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học, cụ thể:

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển chung cho toàn trường.

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hằng năm của toàn trường và thực hiện Kế hoạch phát triển theo từng giai đoạn.

*** Phó Hiệu trưởng:** Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục.

*** Tổ trưởng chuyên môn:**

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của tổ.

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) của tổ, trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, thời gian và các nguồn lực thực hiện.

*** Giáo viên, nhân viên:** Căn cứ kế hoạch của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đúng thời gian quy định, thông tin kịp thời những vướng mắc nhằm để bàn bạc, có các giải pháp để thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường.

*** Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:**

Hằng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

*** Ban đại diện cha mẹ học sinh:**

Phối hợp với nhà trường tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh trong công tác phối kết hợp gữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục học sinh. Vận động, kêu gọi các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ nhân lực, vật lực góp phần thực hiện mục tiêu của Kế hoạch phát triển nhà trường.

Tăng cường giáo dục gia đình, vận động CMHS quan tâm phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục con em.

PHẦN IV: KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Quan tâm tuyển dụng đội ngũ GV, NV đảm bảo cơ cấu cho nhà trường.

Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu đã đề ra.

Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục; Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

2. Đối với chính quyền địa phương

Quan tâm chỉ đạo công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương để giúp cho toàn xã hội xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất, cha mẹ học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc giáo dục con em.

Cấp ủy, chính quyền địa phương, hội đồng giáo dục quan tâm giúp đỡ nhà trường về cơ sở vật chất trường học, tạo nguồn vốn đối ứng, chủ đầu tư những hạng mục lớn; bảo vệ an ninh trật tự, tuyên truyền công tác giáo dục đạo đức học sinh qua

hệ thống thông tin đại chúng.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang giai đoạn 2026-2031 đã được thông qua Chi bộ Đảng, Hội đồng trường và tập thể Hội đồng sư phạm. Yêu cầu CB,GV, NV nhà trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- UBND xã (b/c);
- Đăng tải trên trang Website;
- CBQL, Các đoàn thể, bộ phận (Th/h);
- Lưu : VT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC SỐ 2 NA SANG

Nguyễn Thị Mai Anh

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NA SANG T. ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Võ Nam